

Số: 86 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP ngày 28/6/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 của Tổng công ty Cơ khí xây dựng-CTCP với các nội dung chính sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021:

a) *Bảng kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 của toàn Tổng công ty*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐV tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đ	468	466,8	99,7%
2	Doanh thu	Tỷ đ	444,4	372,7	84%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	47,4	30,5	64%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	0,81	-1,19	-
5	Giá trị đầu tư XD CB	Tỷ đ	39,6	1,87	5%

b) *Bảng kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 của công ty mẹ Tổng công ty*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐV tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đ	164,5	139,4	85%
2	Doanh thu	Tỷ đ	157,1	111,4	71%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	20,1	9,9	49%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	0,2	3,9	1.950%
5	Giá trị đầu tư XDCB	Tỷ đ	11,4	0,3	3%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022:

a) Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 của toàn Tổng công ty

TT	Tên chỉ tiêu	ĐV tính	TH năm 2021	KH 2022	% KH/ TH 2021
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đ	466,8	461	99%
2	Doanh thu	Tỷ đ	372,7	446,8	120%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	30,5	42,4	139%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	-1,19	5,48	
5	Giá trị đầu tư XDCB	Tỷ đ	1,87	141,3	7.551%

b) Bảng kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022 của công ty mẹ Tổng công ty

TT	Tên chỉ tiêu	ĐV tính	TH năm 2021	KH 2022	% KH/ TH 2021
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXKD	Tỷ đ	139,4	173,8	125%
2	Doanh thu	Tỷ đ	111,4	158,0	142%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	9,9	20,1	203%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	3,9	4,14	106%
5	Giá trị đầu tư XDCB	Tỷ đ	0,3	128,8	42.933%

Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022. Trong năm 2022 cần tập trung triển khai dự án Đầu tư xây dựng kho, xưởng và hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyên tại Khu công nghiệp Quang Minh đúng tiến độ. Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đầu tư để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động năm 2022 sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng là đại diện Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP.

1. Báo cáo tài chính công ty mẹ Tổng công ty:

a) Tài sản - Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	TỔNG TÀI SẢN	Đồng	425.486.079.023
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	191.096.649.939
2	Tài sản dài hạn	Đồng	234.389.429.084
II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	425.486.079.023
1	Nợ phải trả	Đồng	475.060.513.859
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	(49.574.434.836)

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	111.396.754.524
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.917.340.061
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	3.917.340.061

2. Báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng công ty:

a) Tài sản - Nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	TỔNG TÀI SẢN	Đồng	972.016.134.545
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	761.272.990.538
2	Tài sản dài hạn	Đồng	210.743.144.007
II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	972.016.134.545
1	Nợ phải trả	Đồng	1.042.617.956.545
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	(70.601.822.000)

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	372.697.652.464
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	(1.191.280.750)
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	(2.020.965.645)

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 theo Trình số 34/TTr-HĐQT ngày 03/6/2022 của Hội đồng quản trị cụ thể:

1. Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021

TT	Chức danh	Số lượng	Tổng mức tiền lương, thù lao kế hoạch (đồng)	Tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện (đồng)	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	Hội đồng quản trị		864.000.000	648.480.000	
1	Tiền lương				
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	384.000.000	295.260.000	76,89
1.2	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	336.000.000	257.210.000	76,55
2	Thù lao				
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	144.000.000	96.000.000	66,66
II	Ban kiểm soát		384.000.000	291.760.000	
1	Tiền lương				
	Trưởng ban Ban Kiểm soát	1	336.000.000	253.360.000	75,4
2	Thù lao				
	Thành viên Ban kiểm soát	2	48.000.000	38.400.000	80
	Tổng cộng		1.248.000.000	940.240.000	

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương và thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng	Thành tiền
I	Hội đồng quản trị				924.000.000
1	Tiền lương				
1.1	Chủ tịch HĐQT	1	37.000.000	12	444.000.000
1.2	Thành viên HĐQT Chuyên trách	1	28.000.000	12	336.000.000
2	Thù lao				
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	3	4.000.000	12	144.000.000
II	Ban kiểm soát				384.000.000
1	Tiền lương				
1	Trưởng ban Ban Kiểm soát	1	28.000.000	12	336.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng				1.308.000.000

